

Bản án số: 161/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/02/2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Châu

Ông Huỳnh Phạm Dũng Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 617/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thụy Ngọc H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: X1 đường Đ1, phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Andi J, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Quốc tịch: Indonesia.

Địa chỉ: Indonesia.

Cư trú: Indonesia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2022 và bản tự khai, nguyên đơn - bà Bùi Thụy Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Andi J đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2008, vào sổ đăng ký kết hôn số X2, quyển số X3, ngày 02/5/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Việt Nam đến tháng 08/2017 thì ông Andi J về Indonesia sinh sống, còn bà vẫn ở lại Việt Nam. Trong quá trình hôn nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế và nuôi dạy con; vì khoảng cách địa lý nên không có thời gian gần gũi hàn gắn tình cảm, vợ chồng ngày càng xa cách. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Andi J.

- Về việc nuôi con: Bà và ông Andi J có 02 con chung tên Bùi Mỹ Uyên Eirene Y, sinh ngày 15/8/2006 và Bùi Sirait Takeshi Gia V, sinh ngày 03/10/2009. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu ông Andi J cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng).
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chứng thực ngày 22/12/2022, bị đơn - ông Andi J trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thụy Ngọc H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2008, vào sổ đăng ký kết hôn số X2, quyển số X3, ngày 02/5/2008. Sau khi kết hôn được một thời gian thì ông trở về Indonesia sinh sống và làm việc còn bà H ở lại Việt Nam, mâu thuẫn do vợ chồng xa cách, tính tình không hòa hợp. Nay ông được biết bà H có gửi đơn xin ly hôn lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về việc nuôi con: Ông và bà H có 02 con chung tên Bùi Mỹ Uyên Eirene Y, sinh ngày 15/8/2006 và Bùi Sirait Takeshi Gia V, sinh ngày 03/10/2009. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng, mỗi trẻ 5.000.000 đồng/1 tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Bùi Thụy Ngọc H và ông Andi J có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 17/10/2022, bà Bùi Thụy Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Andi J. Ông Andi J đang cư trú tại Indonesia, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Bùi Thụy Ngọc H và ông Andi J có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thụy Ngọc H và ông Andi J có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2008, vào sổ đăng ký kết hôn số X2, quyển số X3, ngày 02/5/2008, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. bà H và ông Andi J thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp và cách nuôi dạy con, hiện nay vợ chồng sống xa cách, không còn tình cảm với nhau. Do đó có cơ sở xác định bà H và ông Andi J đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có khả năng

hàn gắn đoàn tụ, nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà H về việc xin ly hôn với ông Andi J.

- Về việc nuôi con: Căn cứ Giấy khai sinh số 71, quyền I/2007 do Cơ quan đại diện Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản cấp ngày 20/11/2007 và số 1006, quyền số 04 do Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/2009 thì trẻ Bùi Mỹ Uyên Eirene Y, sinh ngày 15/8/2006 và Bùi Sirait Takeshi Gia V, sinh ngày 03/10/2009 là con của bà Bùi Thụy Ngọc H và ông Andi J. Hiện hai trẻ đang sống ổn định cùng bà H và có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Ông Andi J và bà H thống nhất thỏa thuận giao con hai cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. bà H yêu cầu ông Andi J cấp dưỡng nuôi hai con là 5.000.000 đồng/1 tháng (mỗi trẻ 2.500.000 đồng/1 tháng/1 trẻ), ông Andi J tự nguyện cấp dưỡng 10.000.000 đồng/1 tháng (mỗi trẻ 5.000.000 đồng/1 tháng/1 trẻ) nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Bùi Mỹ Uyên Eirene Y và Bùi Sirait Takeshi Gia V, ông Andi J cấp dưỡng nuôi hai con là 10.000.000 đồng/tháng, mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Bùi Thụy Ngọc H phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Ông Andi J phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thụy Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thụy Ngọc H được ly hôn với ông Andi J.

- Về việc nuôi con: Giao hai trẻ Bùi Mỹ Uyên Eirene Y, sinh ngày 15/8/2006 và Bùi Sirait Takeshi Gia V, sinh ngày 03/10/2009 cho bà Bùi Thụy Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Andi J cấp dưỡng nuôi hai con 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), mỗi trẻ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng cho đến khi hai con thành niên.

Ông Andi J có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thụy Ngọc H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số X4 ngày 23/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thụy Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Ông Andi J phải nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Bà Bùi Thụy Ngọc H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; ông Andi J có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- UBND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Châu

Lê Thị Nhanh

Quách Thanh Bình